

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01/2023/KDTM-ST**

Ngày: 03-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự.

2. Ông Trần Minh Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17-01-2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 09-02-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 25, tổ 01, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê L – Giám đốc. (có mặt)

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P.

Địa chỉ trụ sở: Số 16, đường số 27, khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm A – Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, bà Lê L trình bày:

Vào ngày 01-11-2020 ông Phạm A là giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P (sau đây gọi tắt là Công ty P) có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty T) để đặt vấn đề hợp tác mua vật liệu xây dựng của Công ty T. Khi đó giữa 02 công ty có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/2019/HĐNT-HAK ngày 01-11-2020 và hợp đồng kinh tế HĐKT-14 ngày 01-11-2020 với nhau, về việc Công ty P mua các vật liệu xây dựng của Công ty T cụ thể là: Cát, đá 1*2, gạch ống, xi măng, đá 4*6, ngoài ra Công ty P sẽ mua thêm những sản phẩm khác theo nhu cầu xây dựng. Về địa điểm giao vật liệu xây dựng thì Công ty P yêu cầu Công ty T giao các vật liệu xây dựng đến công trình D36 đường N17 khu công nghiệp B. Trong khoảng thời gian từ ngày 12-11-2020 đến ngày 09-12-2020 thì Công ty T đã giao đủ số lượng vật liệu xây dựng theo yêu cầu cho Công ty P tại công trình và được người đại diện của Công ty P tại công trình ký nhận hàng. Ngày 26-11-2020 Công ty P có trả cho Công ty T thông qua chuyển khoản ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 30-11-2020 Công ty T tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P với số tiền là 354.714.091 đồng, trong đó số tiền mua vật liệu xây dựng là 322.467.355 đồng, tiền thuế GTGT là 32.246.736 đồng, đồng thời Công ty T đã gửi hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P thông qua tin nhắn mạng xã hội Zalo. Ngày 02-12-2020 Công ty P tiếp tục trả cho Công ty T số tiền 50.000.000 đồng thông qua chuyển khoản ngân hàng, tổng cộng Công ty P đã trả được 100.000.000 đồng trong số tiền mua vật liệu xây dựng. Sau khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì Công ty T đã lập biên bản đối chiếu công nợ, bảng kê chi tiết hàng hóa và liên hệ với Công ty P để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Phạm A cố tình tránh mặt, không thanh toán tiền cho Công ty T. Nay Công ty T yêu cầu Công ty P có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 254.714.091 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 10-12-2020 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Phạm A trình bày: Công nợ của chúng tôi với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T chưa được đối chiếu và xác nhận nên chúng tôi cần có thêm thời gian để làm công tác này trước khi xác định số nợ. Vật tư Công ty T cung cấp, chúng tôi đã thi công nhưng chưa thu hồi công nợ từ đối tác nên công ty chúng tôi rất khó khăn về tài chính dẫn đến không thể thanh toán ngay công nợ đối với Công ty T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều

70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không tham gia hòa giải đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 50, 55 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Công ty P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Buộc Công ty P có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 254.714.091 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm, Công ty P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty T) yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P (sau đây gọi tắt là Công ty P) thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, do đó đây là tranh chấp mua bán hàng hóa giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo công văn số 2987/SKHĐT-ĐKKD ngày 16-11-2022 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P tình trạng pháp lý đang hoạt động, chưa đăng ký chi nhánh trực thuộc, có địa chỉ trụ sở chính tại số 16, đường số 27, khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty P đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 01-11-2020 Công ty T và Công ty P ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/2019/HĐNT-HAK và hợp đồng kinh tế HĐKT-14, nội dung ký kết của 02 hợp đồng là Công ty P mua vật liệu xây dựng của Công ty T, ngoài ra các bên còn thỏa thuận về phương thức thanh toán và trách nhiệm của các bên. Các hợp đồng trên được lập phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Công ty T cung cấp thể hiện từ ngày 12-11-2020 đến ngày 09-12-2020 Công ty T đã tiến hành giao vật liệu xây dựng cho Công ty

P, chi tiết số lượng hàng hóa, đơn giá được thể hiện tại bảng đối chiếu công nợ (BL 113, 114, 115), ngoài ra Công ty T đã tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000929 ngày 30-11-2020 cho người mua hàng là Công ty P với số tiền là 354.714.091 đồng, trong đó số tiền mua vật liệu xây dựng là 322.467.355 đồng, tiền thuế GTGT là 32.246.736 đồng. Công ty P đã trả cho Công ty T tổng số tiền là 100.000.000 đồng thông qua chuyển khoản ngân hàng, cụ thể vào ngày 26-11-2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 02-12-2020 trả 50.000.000 đồng. Tại tờ trình (BL 65) do người đại diện theo pháp luật của Công ty P, ông Phạm A xác định công nợ giữa hai công ty chưa được đối chiếu, vật tư Công ty T cung cấp đã thi công nhưng chưa thu hồi nợ từ đối tác nên không thể thanh toán cho Công ty T. Tuy nhiên Công ty P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đối chiếu công nợ cũng như không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, do đó Công ty P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào những chứng cứ mà Công ty T cung cấp cũng như lời trình bày của Công ty P thì Hội đồng xét xử xác định việc mua bán vật liệu xây dựng giữa hai công ty theo hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng kinh tế là có thật. Vì vậy Công ty T yêu cầu Công ty P có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ 254.714.091 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi chậm trả: Xét thấy Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng với Công ty T, cho nên Công ty P còn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty T theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Căn cứ vào các biên bản xác minh về lãi suất quá hạn của các ngân hàng cụ thể như sau: Lãi suất quá hạn đối với khoản vay ngắn hạn của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh D là 1,25%/tháng; lãi suất quá hạn đối với khoản vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – chi nhánh H là 1,25%/tháng; Lãi suất quá hạn đối với khoản vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tây Ninh là 1,125%/tháng. Như vậy lãi suất nợ quá hạn trung bình thấp nhất trên thị trường tại thời điểm xét xử là 1,208%/tháng. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty T chỉ yêu cầu lãi suất là 1%/tháng, thấy rằng yêu cầu trên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: Từ ngày 10-12-2020 đến ngày xét xử 03-3-2023 là 02 năm 02 tháng 21 ngày x 1%/tháng x 254.714.091 đồng, thành tiền là 68.008.661 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Công ty P thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 322.722.752 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 254.714.091 đồng và tiền lãi là 68.008.661 đồng.

[4] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[5] Về án phí: Căn cứ theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T được chấp nhận nên Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.136.137 đồng. Công ty T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T tổng số tiền là 322.722.752 (Ba trăm hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc mua vật liệu xây dựng là 254.714.091 đồng và tiền lãi là 68.008.661 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu đầu tư xây dựng P phải chịu 16.136.137 (Mười sáu triệu một trăm ba mươi sáu ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng T tiền tạm ứng án phí 6.367.852 (Sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012704 ngày 26-10-2022.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Hoàng Nam